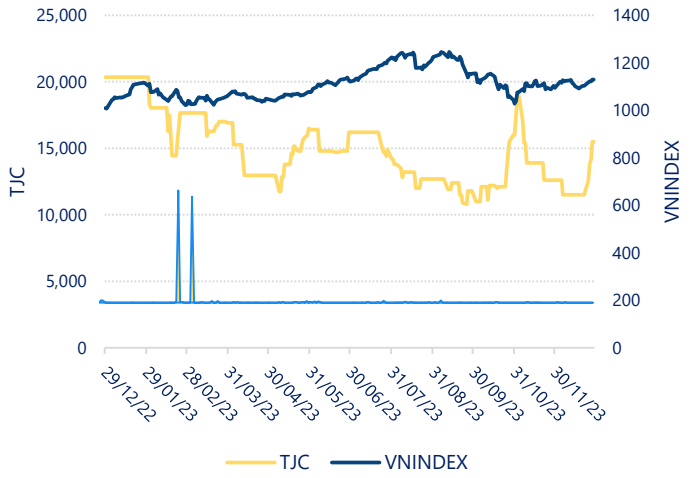
CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại (HNX: TJC)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

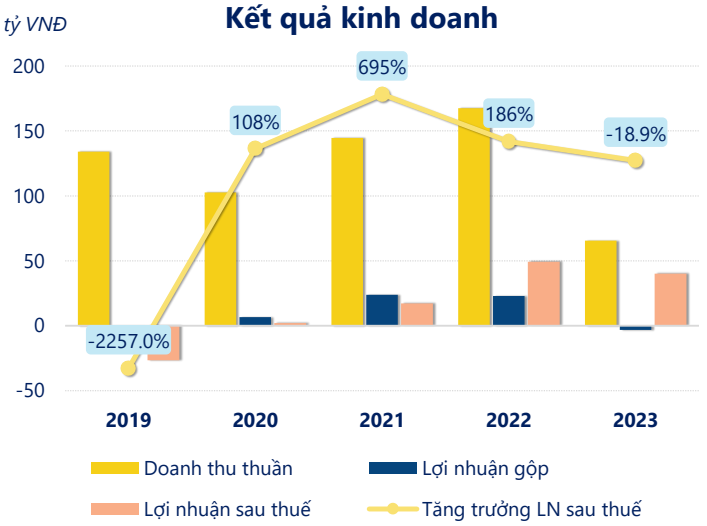
Ngày 29/12/2023	15,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	23.0%	40.9%	-4.3%

Lịch sử giá



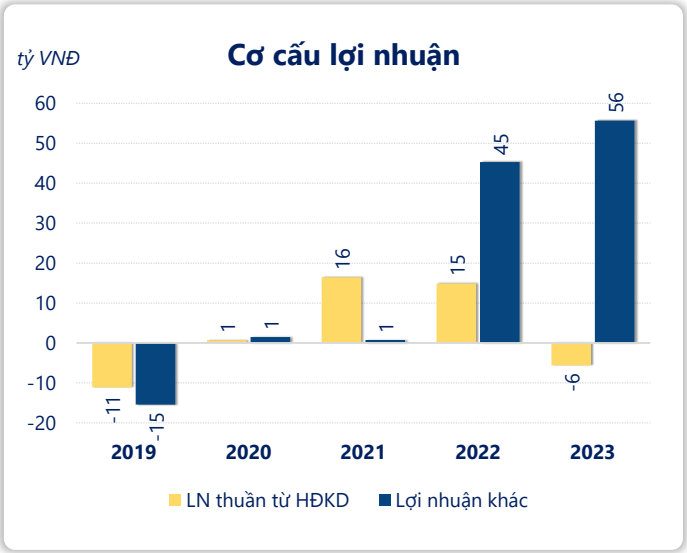
	2023	YoY
DT thuần	65.4 tỷ VNĐ	▼ 102 ▼ 60.9%
LN gộp	-3.17 tỷ VNĐ	▼ 26.0 ▼ 114%
LN thuần	-5.58 tỷ VNĐ	▼ 20.5 ▼ 137%
LN sau thuế	40.0 tỷ VNĐ	▼ 9.40 ▼ 18.9%
ROE	24.0%	+/- YoY ▼ 13.2%
ROA	21.5%	+/- YoY ▼ 10.2%

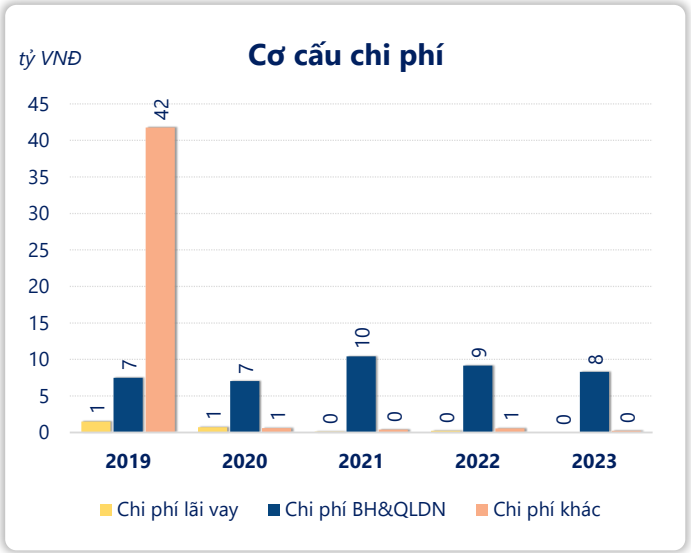
Kết quả kinh doanh



Năm **2023**, **TJC** ghi nhận doanh thu thuần **65.45** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **40.02** tỷ đồng, lần lượt **giảm 60.9%** và **giảm 18.9%** so với năm trước.

Công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận so với năm trước. Với mức **ROE** đạt **24.0%** cho thấy tình hình kinh doanh vẫn khá tốt, tuy nhiên cần cải thiện để đạt kết quả tốt hơn.

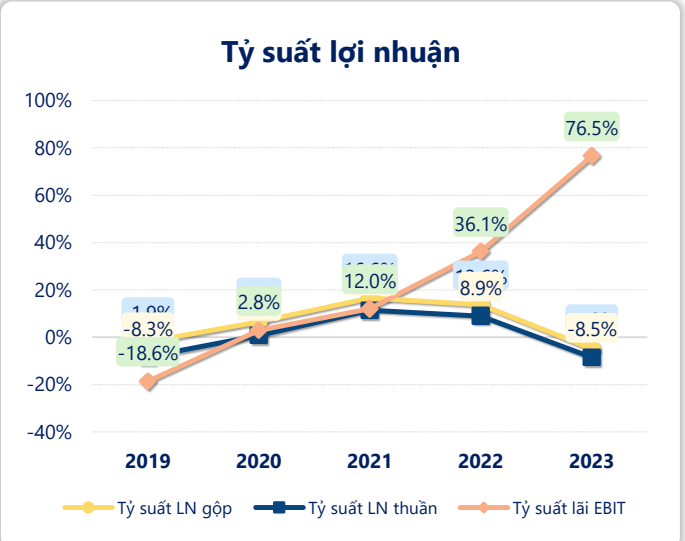


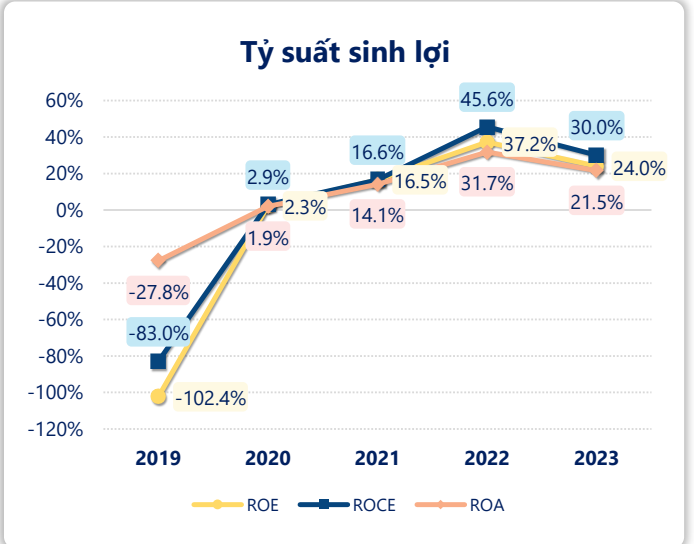


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **TJC** năm **2023 giảm đi 20.49** tỷ so với năm trước, ghi nhận khoản lỗ 5.58 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2019** là 11.10 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

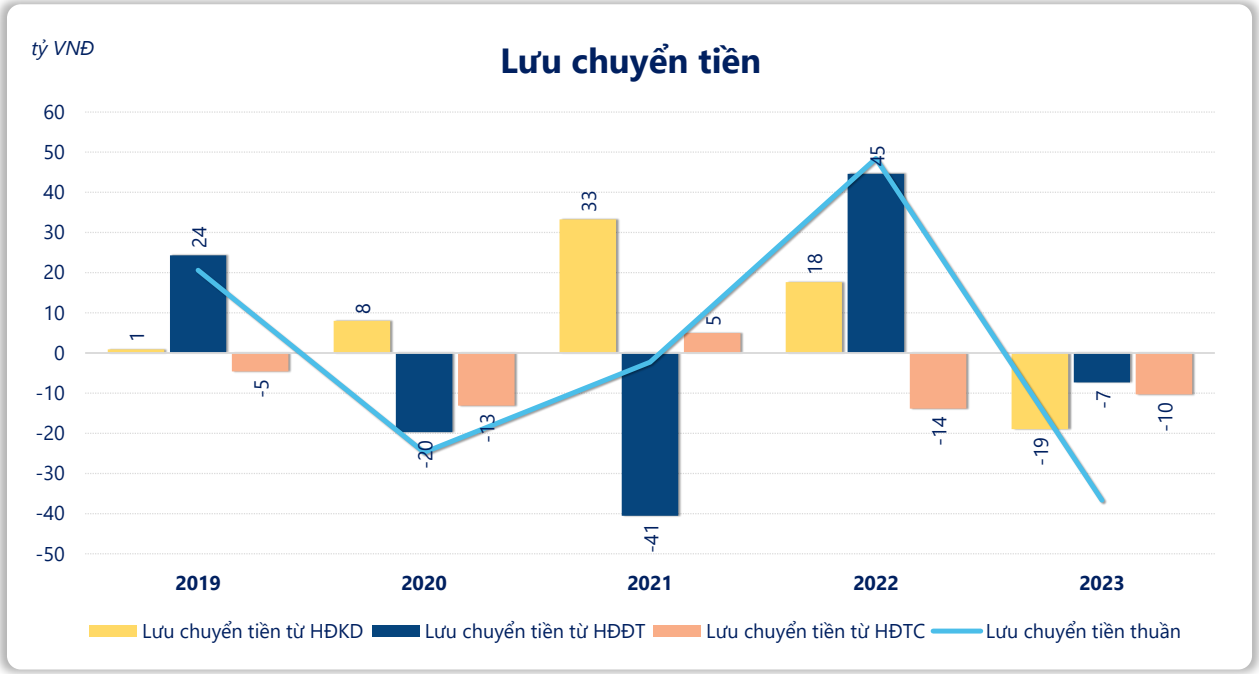
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.00** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **8.29** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.23** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của TJC năm 2023 **giảm** so với năm trước còn **24.0%**, tuy nhiên vẫn **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**134**	**103**	**145**	**167**	**65.4**
Giá vốn hàng bán	137	96.1	121	145	68.6
Lợi nhuận gộp	**-2.53**	**6.62**	**23.9**	**22.8**	**-3.17**
Doanh thu HĐTC	0.46	1.90	3.21	4.92	5.91
Chi phí TC	1.55	0.80	0.25	3.69	0.04
Chi phí lãi vay	**1.48**	**0.73**	**0.10**	**0.24**	**0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.87	1.39	2.14	0.84	0.98
Chi phí QLDN	6.62	5.65	8.28	8.30	7.31
LN thuần từ HĐKD	**-11.1**	**0.69**	**16.5**	**14.9**	**-5.58**
Lợi nhuận khác	-15.4	1.48	0.76	45.3	55.7
LN trước thuế	**-26.5**	**2.17**	**17.2**	**60.2**	**50.1**
Lợi nhuận sau thuế	**-26.5**	**2.17**	**17.2**	**49.4**	**40.0**
LNST của CĐ cty mẹ	**-26.5**	**2.17**	**17.2**	**49.4**	**40.0**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của TJC bằng **-36.64** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2022 (48.44 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-18.96** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-7.36** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-10.32** tỷ đồng.